

CẢM NGHĨ VỀ "CÁCH MẠNG THÁNG 8":

Ô. HỒ VÀ ĐCSVN ĐÃ LÀM DÂN TỘC VIỆT NAM MẤT 77 NĂM

TÔN THẤT THIÊN

(Giáo sư Tôn Thất Thiên vừa là một nhân chứng trực tiếp, vừa là một học giả chính trị để tâm nghiên cứu những biến chuyển quốc nội và quốc tế ảnh hưởng mật thiết đến Việt Nam, ngay từ những ngày đầu của "Cách mạng tháng 8" cho đến nay. Những phân tích và nhận xét của G.S.Thiên là một sự đóng góp vào việc làm sáng tỏ vấn đề nêu trên.- LTS)

I - Cách mạng vinh quang

Giới lãnh đạo và các cơ quan tuyên truyền cộng sản Việt Nam không ngớt ca bài "Cách mạng tháng 8 vinh quang" và công lao của Đảng "vĩ đại". Họ lập luận rằng: 1/ "Cách mạng tháng 8" đã dành lại độc lập cho nước Việt Nam, giải phóng và đem lại tự do hạnh phúc cho nhân dân Việt Nam; 2/ "lịch sử" đã trao cho ĐCSVN "sứ mạng" giải phóng dân tộc Việt Nam, và ĐCSVN đã làm tròn "sứ mạng" này một cách "thần thánh" nên đảng này phải đứng nhiên được nắm toàn quyền và độc quyền "lãnh đạo", n.l., cai trị, nước Việt Nam mãi mãi và mãi mãi.

Phần khác, giới lãnh đạo ĐCSVN tin rằng họ đã thành công vì họ đã kiên quyết và kiên trì áp dụng chủ thuyết Mác-Lê và chọn con đường "xã hội chủ nghĩa", n.l. cộng sản. Do đó, họ cũng tin rằng "yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội", và họ có "sứ mạng" biến nước Việt Nam thành một nước "xã hội chủ nghĩa" và "cải tạo" toàn thể nhân dân Việt Nam thành những "con người xã hội chủ nghĩa", bằng mọi cách và với mọi giá. (Bằng cách nào và với giá nào sẽ được nói đến trong một đoạn sau).

Những luận điệu trên đây đã được những người tranh đấu trong hàng ngũ ĐCSVN chấp nhận vô điều kiện như những sự thật hiển nhiên. Hơn nữa, những người này cho đó là một nguồn hãnh diện và an ủi trong đời sống của họ. Ai đã tranh đấu trong hàng ngũ cộng sản, dù là có gia nhập Đảng hay không, cũng phải viện những lý do mà họ cho là chính đáng để biện minh cho hành vi của mình. Do đó, thái độ này không đáng làm cho ta ngạc nhiên.

Điều đáng làm cho ta ngạc nhiên là những luận điệu đó cũng được một số người không cộng sản, và ngay cả chống cộng sản, chấp nhận toàn phần hoặc một phần. Về phương diện tâm lý, tình trạng này làm cho những người đó nghi ngờ chính nghĩa của mình, bị mặc cảm nên trở nên thụ động, miễn cưỡng, hoặc tự mâu thuẫn trong cuộc đối đầu với cộng sản. Tất nhiên, nếu những luận điệu của

ĐCSVN đúng thì giới lãnh đạo cộng sản là những người có công với xứ sở và dân tộc Việt Nam. Vậy tại sao lại chống đối họ? Ta chỉ có thể có lý trong sự chống đối này, và chống đối một cách mạnh mẽ, hữu hiệu nếu ta tin chắc rằng cộng sản đã gây tai hại rất lớn cho xứ sở và dân tộc Việt Nam vì cộng sản đã không lấy quyền lợi tối thượng, vĩnh cửu và thực sự của dân tộc Việt Nam làm mục tiêu chính của 'cách mạng'. Ta chỉ phê phán 'Cách mạng tháng 8' và những người chủ trương và lãnh đạo 'cách mạng' này trên căn bản đó.

Vấn đề công tội về 'Cách mạng tháng 8' là một vấn đề cần được cứu xét kỹ lưỡng và giải đáp rõ ràng, và giải đáp này phải là kết quả của một cuộc phân tách vô tư, thận trọng, nghiêm chỉnh, căn cứ trên những dữ kiện lịch sử chính xác về tình hình quốc tế và Việt Nam, nhất là trong những năm then chốt 1945-1946; về bản chất và mục tiêu của Đệ tam quốc tế, của Ô. Hồ và của ĐCSVN; về quyền lợi dài hạn của nước Việt Nam và về những nhu cầu căn bản thực sự của dân chúng Việt Nam. Tất nhiên cũng phải so sánh những hứa hẹn của Ô. Hồ và giới lãnh đạo ĐCSVN trong những năm chiến tranh với thực trạng của xứ sở và dân tộc từ ngày họ áp đặt được quyền lực của họ trên toàn cõi xứ sở từ năm 1975 đến nay.

Trong cuộc cứu xét và phân tách này ta không đặt vấn đề trách nhiệm của tất cả những người đã chiến đấu trong hàng ngũ cộng sản. Số người này rất đông. Có hàng vạn hàng triệu người trong hoàn cảnh đó, phần lớn là thanh niên. Họ là những người có nhiệt huyết và dũng cảm, đã vì lý tưởng hy sinh hết cuộc đời của họ, trong sự tin tưởng rằng họ đóng góp vào một sự nghiệp to lớn đẹp đẽ. Họ là những người đáng kính. Nhưng họ đã bị lường gạt. Cho nên họ cũng cần biết sự thực. Làm sáng tỏ vấn đề sẽ giúp họ thấy một khía cạnh của cuộc chiến đấu của họ mà từ trước đến nay họ không để ý, hoặc không được thấy.

II - Tình hình quốc tế, 1945-1946.

Thế giới chiến tử hai (TGC-II), đối với phe Đồng Minh, chính thức là một cuộc chiến tranh giải phóng, chống độc tài để đem lại dân chủ cho những dân tộc bị áp bức. Do đó, sự thắng trận của phe Đồng Minh cũng là sự thắng trận của tất cả những dân tộc thuộc địa, và đối với những dân tộc này, giải phóng chỉ còn là một vấn đề ấn định phương thức và thời gian chuyển tiếp, dài hay ngắn tùy trường hợp, nhưng không thể tránh được.

Riêng về trường hợp Việt Nam, vấn đề giải phóng có thể coi như giải quyết trên thực tế sau khi Pháp bị Đức đánh bại, và nhất là sau khi Nhật lật đổ chính quyền thuộc địa Pháp ở Đông dương và chính quyền Hoa Kỳ công khai ủng hộ sự giải phóng của các thuộc địa. Hơn nữa, sau khi chính phủ Hoa Kỳ chấp nhận cho Phi luật tân độc lập năm 1946, và chính phủ Anh tuyên bố cho Ấn độ độc lập cũng cùng năm, và Miến Điện và Mã Lai sau đó, thì Pháp khó lòng mà không theo trào lưu.

Tất nhiên ở Pháp cũng có những phần tử chậm tiến bảo thủ. Nhưng nếu ở Anh, mà thuộc địa rộng lớn và quan trọng hơn thuộc địa Pháp nhiều, những phần tử bảo thủ với một lãnh tụ như Ô.

Churchill, uy thế rất lớn, mà còn không ngăn cản được trào lưu giải phóng thuộc địa, thì những phần tử bảo thủ Pháp cũng không ngăn chặn được trào lưu giải phóng thuộc địa bao lâu.

Vấn đề then chốt ở giai đoạn này là làm sao cho nước Pháp bằng lòng trao lại độc lập cho Việt Nam một cách êm thấm. Ta nên nhớ rằng vì Pháp bị Đức đánh bại và vì những sai lầm của chính phủ Vichy, uy thế quốc tế của Pháp bị yếu đi nhiều. Họ cần gây lại uy thế quốc tế. Trong công cuộc này các nhà cầm quyền Pháp cần có sự thông cảm và hợp tác của các thuộc địa cũ của mình. Pháp cần một sự liên hiệp với các thuộc địa đó. Sự đổi thay danh hiệu của khối thuộc địa cũ của Pháp, nay gọi là Liên Hiệp Pháp, nói rõ lên quan niệm này của Pháp. Phần khác, trên bình diện tình cảm và tâm lý, nếu người Pháp, đặc biệt là de Gaulle, chấp nhận nguyên tắc giải phóng các thuộc địa thì họ cũng muốn cuộc giải phóng đó thực hiện với nước Pháp thay vì chống nước Pháp. De Gaulle sẵn sàng chấp nhận độc lập và thống nhất Việt Nam với cựu hoàng Duy Tân, những yêu cầu Bộ Hải Ngoại Pháp dừng giao Nam Kỳ cho Hồ Chí Minh, và ông ta tiếp Sihanouk những từ chối không tiếp Hồ Chí Minh.

Cuối cùng, về phương diện tâm lý cũng như về phương diện thực tiễn, người Pháp cần một thời gian để thích ứng, về hành vi cũng như về tư tưởng, với tình hình mới.

Trong khi đó, dân chúng Việt Nam, và nhất là giới thanh niên, rất nóng lòng được thấy xứ sở được giải phóng, nhưng không thấy những vấn đề phức tạp về phương diện bang giao quốc tế, cũng như những khó khăn trong sự xây dựng một quốc gia tân tiến từ tình trạng lạc hậu về mọi phương diện. Cuộc xây dựng này đòi hỏi hoà bình, ổn định, an ninh, nhiều chuyên viên và cán bộ, một thời gian chuẩn bị dài, và sự giúp đỡ của các cường quốc, trong đó Pháp là nước quan trọng nhất.

Tình hình quốc tế sau khi TGC-II chấm dứt rất phức tạp. Nói một cách rất tổng quát, đặc điểm của nó là va chạm giữa hai khối liên minh chống phát xít những nay coi nhau như thù nghịch. Trong tình trạng đó, một nước nhỏ và yếu cần tránh nhảy vào vòng tranh chấp đó để dồn hết thì giờ, nghị lực và tài nguyên vào việc chuẩn bị xây dựng tương lai. Riêng về Việt Nam, đang ở tình trạng chậm tiến trầm trọng, vấn đề chính là đào tạo chuyên viên cán bộ mọi ngành - hàng ngàn hàng vạn - để có thể điều hành một quốc gia tân tiến khi độc lập thực sự, chớ không phải tranh dành quyền lực, hay tham gia vào cuộc tranh dành quyền lực trên trường quốc tế.

Nếu xét thật kỹ và thật bình tĩnh, mục tiêu chính và quan trọng thật sự của Việt Nam là phát triển kinh tế nhanh và mạnh, vì đó là điều kiện tiên quyết căn bản để cải thiện đời sống của đại đa số dân chúng, làm cho họ có cơm ăn áo mặc trong an ninh và hoà bình. Độc lập, tuy gây sôi động, chỉ là một mục tiêu phụ. Lãnh đạo sáng suốt và thực sự thương dân phải quan niệm như vậy.

Với bối cảnh quốc tế và quốc nội nói trên, người lãnh đạo, nếu thật sáng suốt, phải thuyết phục dân chúng Việt Nam bình tĩnh, kiên nhẫn, chấp nhận những giải pháp ôn hoà và dung hoà quyền lợi với Pháp trong một thời gian, để có thì giờ và điều kiện, nhất là sự giúp đỡ của Pháp, đào tạo chuyên viên cán bộ cần

thiết cho một quốc gia tân tiến. Đây là một việc mà Pháp, vì quyền lợi và nhất là vì tình cảm, sẽ chấp nhận một cách vui vẻ và hãnh diện - như thời trước 1975 ở Miền Nam, và từ 1989 trở đi trên bình diện toàn quốc -.

Về phương diện an ninh quốc gia, trong tình hình quốc tế sau TGC-II, đứng trong Liên Hiệp Pháp vừa được an ninh, vừa đỡ tốn kém về tài nguyên cũng như nhân mạng. Đi con đường này không anh dũng và không dễ vì nó đòi hỏi rất nhiều tự chế - nhưng tránh cho xứ sở hơn 30 năm chiến tranh tàn khốc và gây bằng hoại về mọi mặt để rồi cục rồi chẳng đem lại lợi lộc gì cho dân. (Điểm này sẽ được trình bày chi tiết hơn ở đoạn sau khi bàn về mối đe dọa Trung quốc đối với Việt Nam).

Lý luận như trên không phải là nguy biện hay nói vớ. Ta chỉ cần so sánh tình trạng Việt Nam hiện nay dưới sự lãnh đạo của Ô.Hồ và ĐCSVN với tình trạng Ấn độ, Mã lai, Xinh ga po dưới sự lãnh đạo của các Ô. Gandhi và Nehru, Abdul Rahman, Lý Quang Diệu thì thấy rõ.

III - Ô. Hồ, ĐCSVN, và Đệ tam quốc tế.

Con đường kiên nhẫn và hợp tác với Pháp một thời gian như nói trên, Ô.Hồ và ĐCSVN không muốn đi và không đi được vì họ thuộc Đệ tam quốc tế. Dù rằng ĐTQT đã bị Stalin chính thức giải tán năm 1943, những đảng viên cộng sản nào cũng hiểu rằng đó chỉ là một thủ đoạn chính trị có tính cách chiến thuật (sách lược), như sự giải tán Đảng Cộng Sản Đông Dương tháng 11 năm 1945, mà chính sau này Ô. Hồ công khai giải thích rằng chỉ là một biện pháp chiến thuật lê-ni-nít.

Năm 1930, Ô. Hồ, theo lệnh của ĐTQT, lập ĐCSVN, và sau đó những người theo Ô.Hồ từ 1925 ở Quảng châu đều gia nhập Đảng này. Theo quy chế của ĐTQT, tổ chức này là một đảng duy nhất bao gồm toàn cầu, và các đảng quốc gia chỉ là chi nhánh của nó. Do đó, ĐCSVN cũng như tất cả các đảng viên phải tự đặt mình dưới quyền điều khiển của tổ chức này. Phần khác, ĐTQT áp dụng nguyên tắc dân chủ tập trung ở cấp quốc tế cũng như quốc nội, cho nên đường lối, chính sách của tất cả các đảng cộng sản trên thế giới do Đảng Cộng Sản Nga, n.l. tổng bí thư đảng này (Stalin và những người kế vị) quyết định. Quyết định của họ tất nhiên nhằm phục vụ quyền lợi của Nga trước hết.

Mục tiêu của ĐTQT - cách mạng thế giới - do Lê-nin vạch ra là mục tiêu phục vụ quyền lợi Nga trước nhất. Ngoài ra, Lê-nin buộc tất cả cộng sản viên phải dứt khoát từ bỏ tinh thần quốc gia và phục vụ cách mạng quốc tế vô điều kiện. Do đó, là một thành phần trung kiên của phong trào cộng sản thế giới - một điều mà Ô.Hồ và đồ đệ luôn luôn nhấn mạnh -, ĐCSVN không thể đi con đường lợi nhứt cho xứ sở và dân tộc Việt Nam: họ chỉ, và phải đi con đường cách mạng thế giới. Đi con đường này tất nhiên phải chủ trương chiến tranh liên miên, cho đến khi từ bản bị tiêu diệt - một điều mà năm 1989, 70 năm sau khi Lê-nin thành lập ĐTQT, Nguyễn Văn Linh tuyên bố còn rất lâu mới xảy ra, vì sự rầy chết của từ bản còn kéo dài vài trăm năm nữa...-

Trong hơn 30 năm, Ô. Hồ và lãnh tụ ĐCSVN đã đẩy dân chúng

Việt Nam vào vòng chiến tranh; họ đã hy sinh tài sản và xương máu của dân, cản trở phát triển xứ sở và sự cải thiện đời sống của dân, để phục vụ cách mạng thế giới, đeo đuổi một cuộc chiến bất buộc vô hạn định mà ngày nay, sau những biến cố Đông Âu và Nga, lại rõ ràng là vô nghĩa.

Khi thời thúc dân chúng Việt Nam hăng say tham gia chiến tranh chống Pháp, Ô. Hồ và ĐCSVN giải thích với dân chúng Việt Nam rằng Pháp là nguy cơ lớn nhất cho an ninh Việt Nam. Phần khác, trong sự kháng Pháp, ĐCSVN chủ trương liên minh với Nga sô và Trung cộng. Những quốc gia này thù nghịch với Hoa kỳ. Do đó, trong nhãn quang của Hoa kỳ, Việt Nam, đồng minh của hai nước này, cũng là thù nghịch, cho nên nhân dân Việt Nam lại bị lôi cuốn vào một cuộc chiến thứ hai, còn khốc liệt hơn cuộc chiến tranh với Pháp. Vì "Cách mạng tháng 8" mà nhân dân Việt Nam phải trả một giá rất đắt trong hai cuộc chiến tranh chống những quốc gia mà ngày nay rõ ràng không phải là những mối đe dọa lớn thực sự đối với Việt Nam. Ô. Hồ và giới lãnh đạo ĐCSVN đã sai lầm kinh khủng trong nhận định về vấn đề này.

Về phương diện an ninh quốc gia, mối đe dọa lớn đối với Việt Nam không phải là Pháp hay Hoa Kỳ, mà là Trung quốc, dù là "anh em" xã hội chủ nghĩa. Điều này đã rõ ràng và không chối cãi được từ năm 1979, là năm Việt Nam bị Trung Cộng "anh em" tấn công. Nhưng thực ra, như Bạch Thủ về 30 năm bang giao Việt-Trung do chính Chính Trị Bộ ĐCSVN phát hành vào tháng 10 năm 1979 giải thích, từ lâu trước đó Trung Quốc đã theo đuổi những mục tiêu riêng biệt và có hại cho Việt Nam, và muốn bành trướng về Đông Nam Á.

Từ sau TGC-II Pháp không còn là một quốc gia hùng cường và đang lên nữa. Còn Hoa-Kỳ chỉ chú ý đến Việt Nam vì Việt Nam đứng vào phe Nga-Hoa thù nghịch với họ. Ngày nay, cả Tàu lẫn Nga không còn là thù nghịch của Hoa-Kỳ nữa, và Nga không phải là thù nghịch của Việt Nam mà cũng không phải là một mối đe dọa đối với Việt Nam, vì Nga là một quốc gia đang trên đà đi xuống, đang phải lo về nội bộ, và ở xa. Trái lại, Trung quốc là một láng giềng to lớn, nằm sát nách Việt Nam, và là một cường quốc đang đà đi lên. Trung quốc mới là mối đe dọa lớn và thực sự đối với Việt Nam, nhất là, trong thực tế, họ đang đe dọa Việt Nam. Chính trị gia sáng suốt phải thấy như vậy. Nhưng Ô. Hồ và giới lãnh đạo "Cách mạng tháng 8" đã mù quáng vì quá say mê chủ nghĩa cộng sản.

Sự lầm lẫn đó đã gây tai hại vô biên cho nhân dân Việt Nam. Hai cuộc chiến kinh khủng và tàn khốc chỉ để chống những quốc gia không phải là mối đe dọa chính và vĩnh cửu đối với Việt Nam vì quyền lợi chính của những quốc gia này không nằm ở Việt Nam hoặc Đông Nam Á, và họ không phải là láng giềng trực tiếp của Việt Nam, và, ngược lại, Việt Nam cũng không nằm ngang con đường bành trướng của họ, nếu họ muốn bành trướng.

IV - "Cách mạng tháng 8" 1945: một sự lường gạt nhân dân

Trong những năm 1945-1946, Ô. Hồ và giới lãnh đạo ĐCSVN đã dấu kỹ ý đồ thật và chính của họ và chỉ phát cờ đấu tranh dành

độc lập. Cán bộ bị cấm không được dùng danh từ "cộng sản", mà chỉ được phép dùng danh từ "cứu quốc", và nói về độc lập. Hiến pháp năm 1946 chỉ nói đến dân chủ kiểu Hoa Kỳ và Pháp mà không đề cập đến chủ nghĩa cộng sản hay xã hội. Do đó, ĐCSVN lôi cuốn được rất nhiều thanh niên và trí thức. Nhưng những văn kiện của Đảng được phổ biến cho ta thấy rõ ràng mục tiêu thực sự và chính của họ là "tạo điều kiện để đi đến cộng sản chủ nghĩa".

Biết bao nhiêu thanh niên và trí thức đã bị lường gạt lao mình vào "Cách mạng tháng 8". Trước 1954, có một số người dần dần tỉnh ngộ, nhưng khi tỉnh ngộ thì đã muộn. ĐCSVN đã nắm được quyền hành, và nhờ chiến tranh càng ngày càng củng cố được quyền hành, vì có chiến tranh mới có cơ hội để chụp cho những người chống cộng sản, không theo cộng sản, hay chỉ bị nghi là có thể chống cộng sản, cái mũ "viết gian" để thanh toán họ. Còn đa số thì sau 1975 mới tỉnh ngộ. Lúc đó đã quá trễ.

Những sự kiện làm cho mọi người thức tỉnh là những đợt "cải tạo tư tưởng" càng ngày càng khốc liệt bắt đầu từ 1950, lúc Ô. Hồ và giới lãnh đạo ĐCSVN tin chắc rằng, nhờ thắng lợi của Trung cộng và trợ giúp của họ "cách mạng" Việt Nam cũng sẽ thắng. Năm 1951 ĐCSVN hoạt động công khai trở lại, tuy vẫn còn mang một nửa mặt nạ với danh hiệu Đảng Lao Động Việt Nam. Theo đó là đợt "cải cách ruộng đất" đẫm máu (15000 nạn nhân, kể cả chiến sĩ có chiến công lớn nhưng không thuộc thành phần "bản cố nông"); rồi đợt "cải tạo" trí thức và tư sản (1957-59); rồi hiến pháp "xã hội chủ nghĩa" (1960); rồi chiến tranh "giải phóng Miền Nam", đưa đến xoá bỏ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (1976) và dọn đường cho "Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam"; rồi đợt "cải tạo" tư sản Miền Nam (1977-78) và hiến pháp "xã hội chủ nghĩa" năm 1980.

Những sự lường gạt xảy ra thế nào mọi người ngày nay đều biết, những quá trễ. Nhưng không quá trễ để xác nhận là Ô. Hồ và giới lãnh đạo ĐCSVN đã trảng trợn lường gạt nhân dân Việt Nam. Ngay cả những đảng viên trung kiên, sau khi bỏ đảng, như cựu đại tá Bùi Tín, đã tố cáo sự lường gạt đó và cung cấp cho người ngoài nhiều chi tiết về nó.*

Ngoài chiêu bài độc lập, Ô. Hồ và giới lãnh đạo ĐCSVN còn đưa ra chiêu bài "tự do, hạnh phúc". Chắc những cán bộ dự những khoá huấn luyện của Ô. Hồ ở miền Nam Trung Hoa hay ở Thái Lan còn nhớ Ô. Hồ quả quyết "độc lập rồi thì cái gì ta cũng có". Và toàn dân Việt Nam đều biết, ngày 6-2-1947, khi kêu gọi dân chúng phá hủy tài sản của mình để kháng chiến, Ô. Hồ nói: "Tôi trân trọng hứa với đồng bào rằng: Kháng chiến thắng lợi rồi tôi ra sức với đồng bào sửa sang tu bổ lại hết...." Trong lời kêu gọi dân chúng "chống Mỹ cứu nước" ngày 17-7-1967, Ô. Hồ tuyên bố: "Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn!". Cuối cùng, trong di chúc của ông, mà cấp lãnh đạo Đảng đã bảo đảng viên thề là sẽ thi hành đúng đắn, ông ta hứa: "Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!".

Ngày nay, với kinh nghiệm 17 năm qua, trong nhân dân Việt Nam ai cũng biết thế nào là "tự do, hạnh phúc" kiểu cộng sản, và những lời hứa hẹn thề thốt của Ô. Hồ và giới lãnh đạo ĐCSVN đã đưa dân tộc đến đâu. Tưởng không cần nói nhiều ở đây. Nay, năm 1992, chỉ cần nhấn mạnh rằng sau khi đã điên cuồng đập phá tất cả những

gì dính đến tư sản, sau khi xua dân đánh tư bản và xỉ vả các nước tư bản Đông Nam Á, thì nay giới lãnh đạo ĐCSVN phải đi năn nỉ vuốt ve tư bản Tây phương (kể cả Pháp và Hoa Kỳ) và yêu cầu các quốc gia Đông Nam Á dạy Việt Nam kinh doanh kiểu tư bản và mời lãnh tụ Đông Nam Á (như Ô. Lý Quang Diệu) làm cố vấn để giúp Việt Nam tái thiết.

V - Tội lỗi

Trong một cuộc phỏng vấn với báo Asian Wall Street Journal ngày 22 tháng 6 vừa qua, Ô. Lý Quang Diệu nói rằng, nếu giới lãnh đạo Việt Nam chịu những thay đổi chế độ, phải 30 (ba mươi) năm nữa Việt Nam mới bắt kịp Thái Lan ngày nay; Miền Nam phải mất 10 năm mới trở lại tình trạng 1975, còn Miền Bắc thì lại lâu hơn nữa. Như vậy nghĩa là 'Cách mạng tháng 8' đã làm cho dân tộc Việt Nam mất 77 (bảy mươi bảy) năm: 1945-1975, 1975-1992, 1992-2022.

'Cách mạng tháng 8' đã phung phí biết bao nhiêu nhân mạng, tài nguyên, nghị lực và thời gian quý báu của nhân dân Việt Nam để tạo ra một tình trạng còn tệ hơn 50 năm trước!

Thật là mỉa mai!
Thật là điên khùng!
Thật là tội lỗi!

Ô. Hồ tự cho mình là cực kỳ sáng suốt và tự đặt cho mình cái tên là 'Chí Minh'. Các lãnh tụ ĐCSVN vẫn tự hào là mình là tài ba và tự phong là 'thần thánh'. Nhưng về điều khiển một quốc gia, người lãnh đạo thực sự sáng suốt và tài ba là người mà nhận định về tình hình và người khác vài chục năm sau còn chính xác. Về phương diện này, ta thấy rằng Ô. Hồ và giới lãnh đạo ĐCSVN chẳng sáng suốt và tài ba tí nào cả.

Ô. Hồ mất năm 1969. Chỉ không đầy 10 năm sau khi ông ta mất những nhận xét của ông về Việt Nam đều sai bét, và chỉ không đầy 20 năm sau khi ông mất, nhận định của ông về chủ nghĩa cộng sản và các cường quốc Trung Hoa, Mỹ, Nga cũng sai bét! Trong khi đó, các lãnh tụ kế vị Ô. Hồ còn sống đó, những những nhận định của họ đã tỏ ra sai bét ngay dưới mắt họ! Ô. Hồ, may không còn sống, nên không phải nghe những lời phê bình khinh miệt chế diễu về Đảng, Mác Lê, và oán trách về 'Cách mạng'. Nhưng đó là cơm bữa của đồ đê của ông từ 1975, và sẽ là cơm bữa của họ từ nay về sau nếu, bất chấp những lời khuyên của Ô. Lý Quang Diệu, họ vẫn ngoan cố và không chịu thay đổi để cho nhân dân khỏi phải tiếp tục bị tai vạ vì 'Cách mạng tháng 8 vinh quang'.

Montreal, đầu tháng 8, 1992

*Xem hồi ký của ông ta: Thành Tín: Hoa Xuyên Tuyết, Saigon Press, P.O.Box 4995, University Station, Irvine CA 92716, USA.